

### *Bài 13*

## **CƠ CẤU XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ PHÁT HUY DÂN CHỦ, XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC**

### **I. CƠ CẤU XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

#### **1. Khái quát về cơ cấu xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội**

##### *a) Khái niệm về cơ cấu xã hội*

*Cơ cấu xã hội* (tiếng Anh: Social structure) là hệ thống các mối quan hệ cơ bản giữa các thành tố cấu tạo nên xã hội.

Các cộng đồng người trong xã hội như dân tộc, giai cấp, tôn giáo, hiệp hội... là những thành tố cơ bản. Về phần mình, mỗi cộng đồng người trong xã hội lại có cơ cấu phức tạp riêng với những tầng lớp bên trong và những mối quan hệ giữa chúng.

Cơ cấu xã hội cũng bao gồm cả các thiết chế gia đình, dòng họ, tôn giáo, kinh tế, chính trị, văn hóa, v.v.. Xã hội là một tổ chức phức tạp, đa dạng của các mối quan hệ

cá nhân, tổ chức xã hội và xã hội. Cơ cấu xã hội gắn chặt chẽ, hữu cơ với các quan hệ xã hội. Cơ cấu xã hội là nội dung có tính chất bản thể luận của các quan hệ xã hội, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của các quan hệ xã hội.

Mỗi con người đều tồn tại trong mối quan hệ lệ thuộc, tác động lẫn nhau và sự tác động này không chỉ mang tính cá nhân mà còn mang tính cộng đồng. Cộng đồng xã hội là một bộ phận người có chung một số dấu hiệu, nguyên tắc. Tùy theo cách xác định các dấu hiệu, nguyên tắc mà người ta có thể xác định những cộng đồng với các tên gọi khác nhau (dân tộc, giai cấp, tập thể, đơn vị, nhóm hoạt động,...). Có hai loại cộng đồng: cộng đồng khách quan được hình thành một cách tự nhiên, không phụ thuộc vào ý muốn con người và cộng đồng chủ quan được hình thành từ ý đồ, mục đích của con người. Cơ cấu xã hội bao hàm tất cả những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên. Khi nghiên cứu về cơ cấu xã hội, trước tiên phải đề cập đến các cộng đồng được hình thành một cách khách quan, dựa trên các dấu hiệu tự nhiên như giai cấp, dân số, dân cư, nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo,... Từ đó, người ta có thể xem xét các loại hình cơ cấu xã hội tương ứng: cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân số (với dấu hiệu nhân khẩu), cơ cấu xã hội - dân cư (với dấu hiệu cùng cư trú theo địa lý), cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo,... Dưới góc độ chính trị - xã hội, ở đây chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề cơ cấu xã hội - giai cấp.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội và các mối quan hệ giữa chúng. Đó là các mối quan hệ về sở hữu, quản lý, địa vị chính trị - xã hội, v.v.. Cơ cấu xã hội - giai cấp vừa phản ánh sự tồn tại xã hội và vừa tác động lại sự phát triển của xã hội.

Cùng một con người có thể thuộc về nhiều cộng đồng người khác nhau theo các hình thức phân chia khác nhau (thuộc về một giai cấp, tầng lớp, một nhóm nghề nghiệp, một địa bàn cư trú, một tôn giáo hoặc không theo tôn giáo nào,...). Các loại hình của cơ cấu xã hội có mối quan hệ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau.

Trong xã hội có giai cấp cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác, vì trong quan hệ về mặt giai cấp của một xã hội quy định sự khác nhau về địa vị kinh tế, về quyền sở hữu tư liệu sản xuất, mối quan hệ xã hội giữa người với người trong hệ thống sản xuất, tổ chức lao động và phân phối thu nhập. Ở các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được các mối quan hệ quan trọng và quyết định trên đây. Từ đó cho thấy cơ cấu xã hội - giai cấp có liên quan trực tiếp đến quyền lực chính trị và quyết định đến bản chất và xu hướng vận động của các loại hình cơ cấu xã hội khác. Mỗi xã hội có phân chia giai cấp đều có cơ cấu xã hội - giai cấp đặc trưng của mình, thể hiện sự khác nhau về chất giữa cơ cấu xã hội này với cơ cấu xã hội khác.

Xuất phát từ cơ cấu xã hội - giai cấp mà người ta xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của mỗi xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Vị trí của cơ

cấu xã hội - giai cấp có ý nghĩa quan trọng, song không được tuyệt đối hoá, tức là chỉ thấy và dựa vào cơ cấu xã hội - giai cấp, coi nhẹ các loại cơ cấu xã hội khác; cũng không thể tùy tiện xoá bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp xã hội bằng biện pháp giản đơn theo ý muốn chủ quan.

Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình từng bước xoá bỏ cơ bản các quan hệ đối kháng giai cấp, hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp mới, trong đó liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức là nền tảng của xã hội mới, chế độ mới.

#### *b) Các loại cơ cấu xã hội*

Đặc điểm cơ bản có liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta là sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần. Đằng sau các thành phần kinh tế là các giai cấp, tầng lớp xã hội nhất định. Tương ứng với nền kinh tế nhiều thành phần là một cơ cấu giai cấp đa dạng, phức tạp bao gồm các giai cấp, tầng lớp vừa liên minh, vừa đấu tranh với nhau, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Sự hình thành cơ chế thị trường đã dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp cùng với sự vận động phức tạp của các giai tầng xã hội. Tính đa dạng, phức tạp còn thể hiện ở sự biến đổi về chất ngay trong cơ cấu của từng giai cấp, tầng lớp xã hội.

Cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam hiện nay bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, người sản xuất nhỏ, tầng lớp doanh nhân. Liên minh công - nông - trí thức là cơ sở của toàn xã hội, làm cơ sở chính trị -

xã hội vững chắc cho chế độ mới. Giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo, quyết định xu hướng phát triển của xã hội. Nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động trở thành người làm chủ xã hội. Trí thức ngày càng có vai trò quyết định trong việc ứng dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. Tầng lớp doanh nhân phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của mình, hoạt động theo luật pháp và định hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

## **2. Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

*a) Các xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội chủ yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội biến đổi theo các xu hướng chủ yếu sau đây:

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai cấp, tầng lớp về mối quan hệ với tư liệu sản xuất.

Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao. Với chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hoá chế độ sở hữu, tồn tại nhiều thành phần kinh tế, liên kết, liên doanh trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các thành phần xã hội tồn tại bên nhau, xích lại gần nhau, đan xen lẫn nhau để cùng phát triển.

- Sự xích lại gần nhau về tính chất lao động giữa các giai cấp, tầng lớp.

Xu hướng này thể hiện thông qua việc phát triển cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, áp dụng những thành tựu mới vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất, rút ngắn khoảng cách của sự khác biệt giữa các lực lượng xã hội trong quá trình lao động. Từ đó, tạo điều kiện cho xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau về mối quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng giữa các giai cấp và tầng lớp.

Xu hướng này diễn ra chủ yếu liên quan đến việc thực hiện ngày càng hoàn thiện nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau về tiến bộ và đời sống tinh thần giữa các giai cấp, tầng lớp.

Xu hướng này thể hiện trực tiếp thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Từ đó tác động đến sự xích lại gần nhau và xoá bỏ dần mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Những xu hướng trên đây không tách rời nhau và được thể hiện trên các lĩnh vực chính trị, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

*b) Đặc điểm của sự biến đổi cơ cấu xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có những đặc điểm mang tính quy luật sau:

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp được quy định bởi biến động cơ cấu kinh tế, cụ thể là cơ cấu ngành nghề

kinh tế, thành phần kinh tế, cơ chế hành chính, kinh tế - xã hội. Yếu tố kinh tế luôn giữ vai trò quyết định đối với các yếu tố xã hội. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại nhiều thành phần kinh tế tất yếu đưa tới cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng và phức tạp. Thời kỳ này có những giai cấp, tầng lớp của cơ cấu xã hội - giai cấp mới và cũ, có đông đảo nhân dân lao động và tồn tại một bộ phận của giai cấp, tầng lớp bóc lột. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tuy vận động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về mặt chủ quan, cơ cấu xã hội - giai cấp mới hình thành lại tác động trực tiếp tới sự củng cố và phát triển cơ cấu kinh tế mới.

Thời kỳ quá độ là thời kỳ mà những nhân tố của xã hội mới và tàn tích của xã hội cũ tồn tại đan xen, đấu tranh với nhau. Cơ cấu xã hội - giai cấp luôn biến đổi trong mọi xã hội. Do đặc điểm của thời kỳ quá độ, quá trình biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp cũ sang cơ cấu xã hội - giai cấp mới là quá trình liên tục, đa dạng, phức tạp và mạnh mẽ. Quá trình này sẽ dần dần ổn định vào giai đoạn sau khi nền kinh tế đã ổn định, lực lượng sản xuất đã phát triển và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả cơ bản.

Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến động và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, vừa liên minh với nhau, tiến tới xoá bỏ hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội, đưa đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội,

đặc biệt là giữa công nhân, nông dân, trí thức. Mức độ và quá trình biến đổi này phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ở mỗi giai đoạn cụ thể. Mâu thuẫn và liên minh thể hiện tính độc lập tương đối và tính phát triển đa dạng của các giai tầng xã hội tạo nên sự hợp tác, xích lại gần nhau giữa các giai tầng cơ bản trong xã hội, xoá dần những quan hệ bóc lột giữa người với người.

- Xu hướng phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mang tính đa dạng và thống nhất. Tính đa dạng thể hiện ở sự tồn tại các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần và ngay cả trong cơ cấu của mỗi giai tầng đó cũng mang tính đa dạng và có sự thay đổi, vận động nhanh chóng để tiến tới sự ổn định tương đối ở các giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ. Tính thống nhất thể hiện ở chỗ trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất giữ vai trò chủ đạo trong quá trình cải biến xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ giai cấp công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng với cơ cấu hợp lý. Đồng thời vai trò chỉ đạo đó còn thể hiện ở sự phát triển của mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội của nước ta. Từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến đổi theo xu hướng tiến bộ, được phản ánh ở sự thay đổi tích cực của các giai cấp, tầng lớp xã hội (công

nhân, nông dân, trí thức...). Do tính chất chưa ổn định về mặt xã hội, mới chỉ là định hướng xã hội chủ nghĩa nên trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, các giai cấp, tầng lớp phát triển đa dạng. Sự ổn định dần của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa sẽ tạo điều kiện hình thành từng bước một cơ cấu xã hội - giai cấp định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các giai cấp, tầng lớp xích lại gần nhau hơn, liên minh, hợp tác chặt chẽ, ổn định hơn. Trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, liên minh công - nông - trí thức là lực lượng chính trị - xã hội cơ bản, là nền tảng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

## II. LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### 1. Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức

Khi tổng kết thực tiễn phong trào công nhân ở châu Âu, nhất là ở Anh, Pháp cuối thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khái quát thành lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác. Các ông đã chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của thất bại trong các cuộc đấu tranh là do giai cấp công nhân không tổ chức được mối liên minh với "người bạn đồng minh tự nhiên" của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, trong các cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân luôn đơn độc và cuộc cách mạng vô sản này đã trở thành "bài ca ai điếu".

Trong điều kiện đã phát triển cao của chủ nghĩa tư bản (chủ nghĩa đế quốc), V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen về tổ chức liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917). Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ ở Nga, đã thực hiện không chỉ có liên minh công nhân với nông dân mà còn liên minh giữa công nhân với các tầng lớp lao động khác. Ngay cả trong thực hiện chuyên chính vô sản cũng thể hiện sự liên minh này, như V.I. Lênin khẳng định: Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v.).

Trong một nước nông nghiệp đại đa số dân cư là nông dân thì vấn đề giai cấp công nhân liên minh với họ là điều tất yếu. V.I. Lênin đặc biệt lưu ý mối liên minh công, nông trong các giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội: Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước. Qua mối liên minh này, lực lượng đông đảo nhất trong xã hội là nông dân, công nhân được tập hợp về mục tiêu chung là xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của toàn thể dân tộc. Đây là điều kiện để giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Đó chính là tính tất yếu về mặt chính trị - xã hội, là yếu tố tiên quyết.

Liên minh công - nông - trí thức là nhu cầu giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhu cầu tự giải phóng của nông dân và nhu cầu phát triển của trí thức.

Giai cấp công nhân Việt Nam có đầy đủ những yếu tố của giai cấp công nhân hiện đại và còn có những đặc điểm riêng của mình. Đó là do ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam nên giai cấp công nhân Việt Nam có điều kiện sớm giữ vai trò lãnh đạo và giành ưu thế ngay từ khi có Đảng của mình. Hơn nữa, sự gắn bó giữa công nhân và nông dân đã hình thành một cách tự nhiên do phần lớn công nhân xuất thân từ nông dân nên giai cấp công nhân Việt Nam đã mang sẵn trong mình mối liên minh với nông dân và luôn giữ được vai trò lãnh đạo trong quá trình cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, có nhiều người nông dân vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp và trở thành công nhân ở chính ngay quê hương mình. Điều này càng tạo cho sự gắn bó của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, nông thôn một cách tự nhiên trên nhiều mặt của đời sống xã hội.

Giai cấp nông dân là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... trực tiếp sử dụng một tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản. Nông dân có phương thức sản xuất phân tán, năng suất thấp. Theo V.I. Lênin, nông dân có "bản chất hai mặt": một mặt, họ là những người lao động (đây là mặt cơ bản nhất); mặt khác, họ là những người tư hữu nhỏ (đây là

mặt hạn chế sẽ được khắc phục trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá). Tuy nhiên, nông dân không dựa trên tư hữu nhỏ này để bóc lột các giai cấp, tầng lớp khác.

Giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng mà tư tưởng của họ phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội. Họ vốn có cơ cấu không thuần nhất, không có sự liên kết chặt chẽ cả về kinh tế và cả về tư tưởng, tổ chức. Trong một nước nông nghiệp thì họ là lực lượng chính trị - xã hội đông đảo nhất và khi được giác ngộ họ trở thành lực lượng cách mạng to lớn nhất trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thực sự được giải phóng khỏi chế độ áp bức, bóc lột và trở thành người làm chủ xã hội, đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trí thức bao gồm những người lao động trí óc phức tạp và sáng tạo, có trình độ học vấn đủ để am hiểu và hoạt động trong lĩnh vực lao động của mình. Họ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng khoa học, văn học, nghệ thuật, lãnh đạo và quản lý... Sản phẩm lao động của trí thức tác động quyết định đến năng suất lao động, đến sự phát triển xã hội về cả mặt đời sống vật chất và cả về đời sống tinh thần.

Trí thức không phải là một giai cấp, không có hệ tư tưởng riêng vì không có phương thức sản xuất riêng và địa vị kinh tế - xã hội độc lập. Trí thức thuộc về các giai cấp, tầng lớp khác nhau, do đó tư tưởng của họ gắn với giai

cấp, tầng lớp đó. Đồng thời, tư tưởng của họ còn bị chi phối bởi địa vị xuất thân và nhận thức xã hội của họ. Mặc dù vậy, thường trí thức luôn giúp giai cấp thống trị khái quát về lý luận để hình thành hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội.

Trong các chế độ tư hữu, đa số trí thức là những người lao động bị áp bức, bóc lột. Khi được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trí thức trở thành người làm chủ xã hội và đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, trí thức đã có nhiều đóng góp trong quá trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đại bộ phận được đào tạo trong chế độ mới. Họ xuất thân chủ yếu từ nông dân, công nhân và các tầng lớp lao động khác. Do vậy, họ có mối quan hệ gần gũi với công nhân, nông dân và luôn là lực lượng cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, cách mạng khoa học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và trí thức ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng, nhất là trong quá trình xây dựng kinh tế trí thức và quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

## **2. Nội dung của liên minh công - nông - trí thức**

Liên minh công - nông - trí thức là sự hợp tác toàn diện giữa công nhân, nông dân và trí thức trong tất cả các mặt khác nhau của đời sống xã hội:

- Liên minh về kinh tế: Nhằm thoả mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế của công nhân, nông dân và trí thức. u.

- Liên minh về chính trị: Khối liên minh công - nông - trí thức là cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân tạo nên sức mạnh vượt qua những khó khăn trở ngại, đập tan âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Liên minh công - nông - trí thức được xây dựng và củng cố vững chắc chính là để bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội.

- Liên minh về văn hoá - xã hội: Liên minh công - nông - trí thức nhằm bảo đảm xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có khả năng tiếp thu các giá trị, tinh hoa văn hoá của loài người. Trong nội dung văn hoá - xã hội, trí thức giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, liên minh công - nông - trí thức dưới góc độ kinh tế giữ vai trò quyết định. Điều này do sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định, do phải gắn chặt nông nghiệp với công nghiệp, với dịch vụ, khoa học và công nghệ để thực hiện việc thoả mãn lợi ích kinh tế cả trước mắt và lâu dài, cơ bản của xã hội. Trong thời đại ngày nay, khi trí thức ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì sự liên minh giữa công nhân với nông dân, trí thức trở thành vô cùng quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Như vậy, sự liên minh về mặt kinh tế là do yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định.

Nguyên tắc cơ bản nhất của liên minh công - nông - trí thức là kết hợp đúng đắn các lợi ích về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với

lợi ích dân tộc và đồng thời thoả mãn lợi ích của đại đa số nhân dân lao động nên quan hệ giữa các giai tầng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quan hệ hợp tác, đấu tranh trong nội bộ nhân dân vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhu cầu, lợi ích chính trị cơ bản của công nhân, nông dân, trí thức và của cả dân tộc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mỗi giai cấp, tầng lớp ở mỗi giai đoạn đều có lập trường chính trị - tư tưởng của mình. Việc liên minh không phải là thực hiện sự dung hoà lập trường tư tưởng - chính trị của các giai cấp, đội ngũ này. Khi chưa giác ngộ cách mạng vô sản thì tư tưởng chính trị của nông dân, trí thức cơ bản còn phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội phong kiến hoặc tư bản. Mặc dù có nguyện vọng nhưng nông dân và trí thức không thể tự giải phóng khỏi chế độ tư bản, áp bức, bóc lột. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, liên minh phải trên lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân. Bởi vì chỉ có dựa trên và phấn đấu thực hiện mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân thì mới thực hiện được đồng thời cả nhu cầu, lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức. Nguyên tắc về chính trị của liên minh là do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Để thực hiện từng bước mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản của liên minh trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân thì liên minh này phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, liên minh công - nông - trí thức là nền tảng chính trị - xã hội và kinh

tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, là nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dựa trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh cần phải xây dựng từng bước nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính do yêu cầu của nền dân chủ này mà nội dung chính trị của liên minh công, nông, trí thức không tách rời nội dung, phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước. Trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế, với nền kinh tế nhiều thành phần và đa dạng thì việc cụ thể hoá của đổi mới nội dung và tổ chức hoạt động của các tổ chức chính trị của công nhân trong các loại hình xí nghiệp công nghiệp, nông dân trong các cơ sở lao động sản xuất nông thôn và trí thức trong các cơ sở khoa học, công nghệ là rất cần thiết. Nội dung hoạt động chính trị phải gắn và thông qua các hoạt động sản xuất, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hoá, xã hội,... Các hoạt động này luôn vận động và đổi mới với tốc độ ngày càng nhanh chóng, do đó các hình thức cụ thể của hệ thống chính trị phải được đổi mới cho phù hợp và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển tốt. Đương nhiên tất cả các hoạt động này phải hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh là nội dung cơ bản, quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, nhiệm vụ cách mạng chuyển trọng tâm sang lĩnh vực kinh tế nên nội dung kinh tế mà thực chất là kết

đến các lợi ích kinh tế của các giai tầng xã hội được lấy làm trọng tâm (mà trong các giai đoạn trước đó chưa đặt ra một cách trực tiếp). Việc thực hiện kết hợp các lợi ích kinh tế được xác định bởi các nhu cầu kinh tế của các chủ thể lợi ích và các điều kiện thực hiện nó. Nội dung kinh tế của liên minh công - nông - trí thức ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được cụ thể hoá ở các điểm sau đây:

- Xuất phát từ thực trạng, tiềm năng kinh tế của nước ta để xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó tính đến những nhu cầu về kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và của toàn xã hội trong các điều kiện, thời gian cụ thể. Đảng ta xác định cơ cấu kinh tế chung của cả nước là "công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ". Điều này thể hiện rõ nội dung kinh tế của liên minh công - nông - trí thức, là điều kiện, môi trường để các giai tầng hoạt động và phát triển sự liên minh. Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta xác định "từng bước phát triển kinh tế trí thức" trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế tạo điều kiện cho trí thức ngày càng gắn bó với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác. Từ đó mỗi liên minh công - nông - trí thức ngày càng có khả năng tăng cường hơn.

- Trên cơ sở kinh tế, các nhu cầu kinh tế phát triển dưới nhiều hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu,... trong cả sản xuất, lưu thông, phân phối giữa công nhân, nông dân, trí thức; giữa các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học - công nghệ và các dịch vụ khác; giữa các địa bàn, vùng miền dân cư trong cả nước.

Trong điều kiện từ một nước nông nghiệp tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta xác định: "Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế". Nông dân chiếm đại bộ phận về số lượng và khu vực nông thôn còn nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy và cũng có nơi còn nhiều khó khăn, thiệt thòi. Do đó, một mặt phải khuyến khích, tạo điều kiện cho nông dân ngày càng chủ động trong việc hợp tác, liên kết với công nhân, trí thức và các thành phần kinh tế để họ phát huy được tiềm năng của mình. Mặt khác, Nhà nước, giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức phải thực sự đến với nông dân, nông thôn không chỉ hợp tác mà còn có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ cải thiện đời sống kinh tế cho nông thôn và giai cấp nông dân. Đó cũng chính là nhu cầu kinh tế của chính Nhà nước, của các giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức.

- Từng bước hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong quá trình thực hiện liên minh. Việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải được thể hiện qua việc đa dạng và đổi mới các hình thức hợp tác kinh tế, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, dịch vụ ở nông thôn. Theo V.I. Lênin, chế độ hợp tác xã là con đường dễ tiếp thu nhất đối với nông dân, khi thấy có lợi cho họ, họ sẽ mau chóng tham gia hợp tác xã nhưng phải

do chế độ hợp tác xã hưởng một số đặc quyền kinh tế, tài chính, ngân hàng. Trong quá trình hình thành quan hệ sản xuất, phải trên cơ sở công hữu hoá những tư liệu sản xuất chủ yếu, kinh tế nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế cả nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta còn thể hiện ở vai trò của Nhà nước. Đối với nước nông nghiệp, vai trò của Nhà nước có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện liên minh. Đặc biệt, vai trò của Nhà nước đối với nông dân được thể hiện qua chính sách khuyến nông, qua bộ máy nhà nước, các tổ chức khuyến nông, các cơ sở kinh tế nhà nước. Nông nghiệp, nông thôn không chỉ là một ngành kinh tế, một khu vực kinh tế mà còn là lĩnh vực mang ý nghĩa sinh thái - xã hội.

Đối với trí thức, Nhà nước cần phải đổi mới và hoàn chỉnh các luật, chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ như chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, về bản quyền tác giả, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật, v.v.. Hướng các hoạt động của trí thức vào việc phục vụ công, nông, gắn với cơ sở sản xuất và đời sống của toàn xã hội. Xây dựng hệ thống các cơ quan hoạt động khoa học - công nghệ, phát huy tiềm năng đội ngũ cán bộ khoa học, tăng cường hợp tác khoa học trong nước và quốc tế.

Liên minh về văn hoá, xã hội thể hiện qua các nội dung cụ thể sau đây:

- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đó chính là ưu việt của chủ nghĩa xã hội, tất cả cho con người, vì con người và do con người, trong đó lực lượng đông đảo nhất, nòng cốt là công nhân, nông dân, trí thức. Từ đó tạo cho công nhân, nông dân, trí thức trực tiếp thể hiện vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động và là chủ thể trong hưởng thụ thành quả của xã hội.

- Vấn đề xoá đói, giảm nghèo cho công, nông, trí thức chủ yếu bằng tạo việc làm, đồng thời kết hợp các giải pháp hỗ trợ, cứu trợ. Giải quyết được vấn đề này sẽ khắc phục được hạn chế của các chế độ tư hữu trước đây: con người là vốn quý của xã hội, nhưng người lao động nếu thất nghiệp thì họ lại trở thành gánh nặng cho xã hội, trở thành một trong các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, đổ vỡ của chế độ xã hội.

- Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội trong điều kiện đại đa số các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với nước, chịu hậu quả chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản của liên minh. Các chính sách này để hỗ trợ nông dân, công nhân, trí thức và tạo điều kiện cho họ khắc phục khó khăn sau chiến tranh, đồng thời nội dung này còn mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống,... cho toàn xã hội và các thế hệ sau.

- Nâng cao dân trí là nội dung cơ bản lâu dài tạo cho liên minh phát triển vững chắc. Trước mắt tập trung vào

việc củng cố thành tựu xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở và phổ cập trung học phổ thông, nâng cao kiến thức về khoa học - công nghệ, về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Khắc phục các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, các biểu hiện tiêu cực như tham nhũng, quan liêu, nhất là ở nông thôn. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống tôn sư, trọng đạo, hiếu học và chăm chỉ cần cù nên việc đầu tư cho giáo dục cả về vật chất lẫn tinh thần là được đặc biệt chú trọng. Đây vừa là thuận lợi, là yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội, đồng thời vừa là yêu cầu nâng cao chất lượng đối với sự nghiệp giáo dục. Vấn đề gắn bó với trí thức cách mạng, với tầm cao của trí thức của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động là cơ sở vững chắc, có tính truyền thống được kế thừa trong nhiều đời nay của dân tộc ta.

- Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, khoa học, công nghệ với quy hoạch phát triển nông thôn, đô thị hoá, công nghiệp hoá những trọng điểm ở nông thôn với kết cấu hạ tầng ngày càng thuận lợi và hiện đại. Xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, các công trình phúc lợi công cộng một cách tương xứng, hợp lý ở các vùng nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá nông thôn, khai thác những tiềm năng của nông, lâm, ngư nghiệp. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Đối với những nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta thì liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức vừa là vấn đề có tính quy luật tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vừa là lực lượng sản xuất, lực lượng chính trị cơ bản và đông đảo nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu xuyên suốt thời kỳ quá độ là xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc

dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

### III. DÂN CHỦ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

#### 1. Vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Dân chủ, theo chữ Hy Lạp "demos" và "kratos", có nghĩa là "nhân dân" và "chính quyền" tạo thành. Đến thế kỷ XVIII, người Anh đã dựa vào ngôn ngữ Hy Lạp cổ để đưa ra thuật ngữ "democracy", có nghĩa là "chính thể dân chủ", một trong những hình thức chính quyền với đặc trưng là

chính quyền nhà nước thừa nhận quyền tự do và bình đẳng của công dân.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân chủ là một phạm trù lịch sử, xuất hiện trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người. Khi xã hội phát triển đến trình độ nhất định thì xuất hiện "nhà nước" và song song với điều đó là sự xuất hiện của phạm trù "nhân dân". Nhà nước là người cai quản nhân dân, quyết định việc nhân dân được làm gì và không được làm gì. Nếu nhà nước quyết định mọi vấn đề thì đó là xã hội không có dân chủ. Nếu nhân dân có quyền quyết định hoặc tham gia với nhà nước quyết định những vấn đề nhất định thì đó là xã hội có dân chủ. Như vậy, dân chủ là quyền của nhân dân được tự quyết định hoặc tham gia với nhà nước quyết định những vấn đề nhất định.

Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Không có chủ nghĩa xã hội phi dân chủ. Do đó, dân chủ là mục tiêu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát huy dân chủ là nhiệm vụ xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong chủ nghĩa xã hội, nhân dân làm chủ, do đó, "mọi quyền lực đều nằm ở nơi dân", thuộc về nhân dân. Dân chủ vừa liên quan đến việc tận dụng tiềm năng và trí tuệ của số đông, vừa liên quan đến sự tự do, giải phóng sức sáng tạo của quần chúng, do đó dân chủ còn là động lực của sự phát triển của xã hội; phát huy dân chủ chính là tạo ra sức mạnh to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa và phát triển quan điểm phát huy dân chủ của các đại hội trước, Đại hội XI tiếp tục khẳng định: Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Dân chủ là mục tiêu bởi vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, bảo đảm để con người thực sự làm chủ xã hội. Dân chủ là động lực cho sự nghiệp đổi mới vì dân chủ hóa đời sống xã hội sẽ phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của mỗi con người, làm cho mọi tiềm năng sáng tạo được tự do phát triển; mọi người dân được tham gia vào các quá trình chính trị, xã hội trên tất cả các khâu, từ hoạch định đường lối đến triển khai, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và tổng kết... Nhờ đó, những vấn đề nảy sinh được phát hiện kịp thời, các khó khăn sớm được tháo gỡ, tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Phát huy dân chủ nhằm thực hiện mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời tạo ra động lực cho quá trình đi lên đó.

Có hai hình thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đó là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp, tức là dân chủ đại diện. Người đại diện lớn nhất cho quyền làm chủ của nhân dân chính là Nhà nước. Đại hội X khẳng định: "Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị

của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân"<sup>1</sup>.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và phát huy dân chủ**

Hồ Chí Minh quan niệm dân chủ có nghĩa là "dân là chủ"; đối lập với quan niệm "quan chủ". Đây là quan niệm được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn, gọn, rõ, đi thẳng vào bản chất của khái niệm trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Người nhấn mạnh: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ"<sup>2</sup>; "Chế độ ta là chế độ *dân chủ*. Tức là nhân dân làm chủ"<sup>3</sup>; "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"<sup>4</sup>.

Quan niệm dân chủ được biểu đạt qua hai mệnh đề ngắn gọn: "Dân là chủ" và "Dân làm chủ". Dân là chủ, nghĩa là đề cập vị thế của dân; còn dân làm chủ, nghĩa là đề cập năng lực và trách nhiệm của dân. Cả hai vế này luôn luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của dân, phản ánh đúng nội dung bản chất về dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, xã hội nào bảo

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.125.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr. 452.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.251.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr. 515.

đảm cho điều đó được thực thi thì đó là một xã hội thực sự dân chủ.

Dân chủ được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó dân chủ thể hiện trên lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, nổi bật nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "ở nước ta chính quyền là của nhân dân, do *nhân dân làm chủ*... Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*"<sup>1</sup>.

- Trong phương thức tổ chức xã hội, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, một nước dân chủ thì phải có cấu tạo quyền lực xã hội, một hệ thống chính trị do "dân cử ra" và "do dân tổ chức nên" qua dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

- Khi xác định quyền hành và lực lượng của xã hội, Hồ Chí Minh còn vạch rõ nguồn gốc, lực lượng tạo ra quyền hành đó là nhân dân. Đó là quan điểm gốc để Người coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; công cuộc đổi mới, xây dựng, kháng chiến kiến quốc là trách nhiệm và công việc của dân.

- Hồ Chí Minh coi dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, là sản phẩm của văn minh nhân loại, xem nó như là lý tưởng phấn đấu của các

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr. 218-219.

dân tộc. Dân chủ không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia mà nó còn có cả ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong các quan hệ quốc tế.

Ngay từ năm 1941, trong Chương trình của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), Hồ Chí Minh đã "thiết kế" một chế độ dân chủ cộng hòa cho nước ta sau khi cuộc cách mạng do nhân dân thực hiện thắng lợi. Đó là chương trình thực hiện mục tiêu dân chủ, xác định rõ quyền và trách nhiệm của nhân dân trước vận mệnh của nước nhà; gắn độc lập, tự do của Tổ quốc với quyền lợi của từng người dân.

Dân chủ ở nước Việt Nam mới được thể hiện và được bảo đảm trong đạo luật cơ bản nhất là các Hiến pháp do Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng và được Quốc hội thông qua. Hiến pháp năm 1946 đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc thực hiện quyền lực của nhân dân.

Hồ Chí Minh chú trọng đến yêu cầu bảo đảm quyền lực của các giai cấp, tầng lớp, các cộng đồng dân tộc trong các tổ chức thuộc thể chế chính trị. Công nhân có quyền thực sự trong xí nghiệp, làm chủ về tư liệu sản xuất, quản lý và việc phân phối sản phẩm lao động. Ở nông thôn, nông dân thật sự nắm chính quyền, nông dân phải được giải phóng thì mới có dân chủ thực sự. Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của trí thức trong tiến trình dân chủ hóa ở

Việt Nam và cho rằng, lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ để phụ nữ bình đẳng với nam giới, thực sự tham gia tích cực vào các công việc xã hội. Hồ Chí Minh quan tâm đến việc bảo đảm quyền làm chủ của tất cả nhân dân các dân tộc và cho rằng, phải làm cho các dân tộc làm chủ đất nước, mau chóng phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt.

Trong việc xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chú trọng tới việc xây dựng Đảng - với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; xây dựng Mặt trận với vai trò là liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội vì mục tiêu chung của sự phát triển đất nước; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi khác của nhân dân.

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là có bảo đảm và phát huy dân chủ ở trong Đảng thì mới bảo đảm được dân chủ của toàn xã hội. Quyền lãnh đạo của Đảng được xuất phát từ sự ủy quyền của giai cấp công nhân, của dân tộc và của nhân dân. Đảng trở thành hạt nhân chính trị của toàn xã hội và là nhân tố tiên quyết để bảo đảm tính chất dân chủ của xã hội. Dân chủ trong Đảng trở thành yếu tố quyết định tới trình độ dân chủ của toàn xã hội.

Nhà nước thể hiện chức năng quản lý xã hội của mình qua việc bảo đảm thực thi ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với sự phát triển của đất nước. Nhà nước thể chế hoá toàn bộ bản chất dân chủ của chế độ. Các tổ chức Mặt trận và đoàn thể nhân dân thể hiện quyền làm chủ và tham gia quản lý xã hội của tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tất cả các tổ chức đó đều có một mục tiêu chung là đạt tới trình độ dân chủ cao, dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là động lực cơ bản nhất để các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam phấn đấu trong sự nghiệp cách mạng trên nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### **3. Quan điểm của Đảng ta về dân chủ và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa**

Qua hơn 25 năm đổi mới, Đảng ta có bước phát triển quan trọng trong nhận thức về dân chủ, đó là:

- Quan niệm về dân chủ được mở rộng. Dân chủ được xem xét theo nhiều khía cạnh: dân chủ vừa là chế độ chính trị, vừa là giá trị, là phương thức và nguyên tắc tổ chức xã hội; dân chủ chung trong cả xã hội và dân chủ đối với mỗi cá nhân; coi trọng cả dân chủ chính trị, dân chủ kinh tế và dân chủ trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Dân chủ không chỉ là mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân (dân chủ chính trị) mà là mối quan hệ "theo chiều dọc" có trong mọi tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa người đứng đầu và các thành viên trong tổ chức,

giữa xã hội với tư cách là một chủ thể chung với các giai tầng trong đó... Với quan niệm như vậy, dân chủ có vị trí, vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, sự nghiệp đoàn kết xuyên suốt thời kỳ quá độ.

- Phải tiếp thu và phát triển các giá trị của nhân loại về dân chủ, trong đó có dân chủ tư sản. Sự khác biệt về bản chất giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản là rõ ràng, nhưng điều đó không ngăn cản việc tham khảo các thành quả của các nước tiên tiến về dân chủ, về quản lý nhà nước, thiết kế bộ máy quản lý nhà nước, hành chính công, trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân...

- Nhận thức về tính tiệm tiến lâu dài trong quá trình phát triển dân chủ: dân chủ là kết quả của cả một quá trình lâu dài về giáo dục ý thức cũng như nâng cao năng lực thực hành dân chủ, không thể nóng vội, thoát ly thực tiễn, trong đó dân chủ được thực hiện.

- Phải xây dựng cơ chế dân chủ trong tất cả các cấp độ, từ các cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước (Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ...) đến cấp cơ sở, trong đó đặc biệt quan trọng là dân chủ ở cơ sở.

- Phải tìm tòi, tổng kết thực tiễn để tìm ra và hoàn thiện các hình thức thực hiện dân chủ thực chất, đúng hướng, có hiệu quả. Hoàn thiện cả dân chủ trực tiếp và dân chủ thông qua đại diện.

- Trong quá trình xây dựng và thực hiện dân chủ cần chống các biểu hiện lệch lạc: dân chủ hình thức, dân chủ

cực đoan, lợi dụng dân chủ để làm tổn hại lợi ích nhà nước và lợi ích của công dân, để gây rối; kiên quyết bác bỏ luận điệu bôi nhọ về dân chủ, nhân quyền của các thế lực phản động, thù địch.

*Trên cơ sở những nhận thức mới trên đây, việc phát huy dân chủ cần được thực hiện theo các nội dung sau:*

- Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; đề cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, nhà nước đối với nhân dân.

Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

- Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

- Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân; có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp và gián tiếp.

- Cùng với phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội như là điều kiện để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; phê phán

và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức.

- Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Đảng lãnh đạo.

Trong điều kiện đó, dân chủ trong Đảng gắn liền với dân chủ trong xã hội có vai trò rất quan trọng.

Chỉ có thực hiện tốt dân chủ trong Đảng mới có thể nói đến xây dựng và phát triển tốt dân chủ trong xã hội.

#### IV. PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, VĂN MINH

##### **1. Vấn đề đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Đoàn kết là mối quan hệ đặc biệt giữa các thành viên trong một tổ chức, một cộng đồng người nhất định. Đó là sự bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển giữa các thành viên trong cộng đồng; các thành viên hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung hoặc chấp nhận, tôn trọng lợi ích riêng của các thành viên khác không để ảnh hưởng đến lợi ích chung.

Đoàn kết toàn dân tộc là sự bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển... của mọi giai tầng trong cộng đồng dân tộc, trong đó, mỗi giai tầng hy sinh lợi ích riêng hay chấp nhận lợi ích của các giai tầng khác để bảo vệ lợi ích chung, lâu dài.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* chỉ rõ về sự đại đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam khi kết thúc thời kỳ quá độ là: "... các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển"<sup>1</sup>.

Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định về vai trò to lớn của đại đoàn kết toàn dân tộc: Là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc<sup>2</sup>.

Cơ sở, điều kiện của đại đoàn kết toàn dân tộc là:

- Sự thống nhất về lợi ích và chấp nhận sự khác biệt không trái với lợi ích chung, lâu dài.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

2. Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quan trọng của một trong năm bài học lớn của Đảng ta.

- Công bằng là cơ sở quan trọng nhất bảo đảm sự đoàn kết.

Chỉ có thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội mới bảo đảm có đại đoàn kết toàn dân tộc thực sự.

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng mạnh, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, luôn luôn trung thành với lợi ích của nhân dân và dân tộc...

Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình<sup>1</sup>.

- Có sự quản lý, điều hành, sự quan tâm của Nhà nước; pháp luật của Nhà nước luôn hướng tới sự thống nhất lợi ích toàn dân tộc...

Đảng, Nhà nước có chủ trương, chính sách hài hòa đối với các giai tầng trong xã hội, bảo đảm mọi tầng lớp dân cư đều có điều kiện phát triển và được hưởng lợi ích từ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước mang lại; thực hiện đường lối liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chính là cơ sở lý luận quan

---

1. Đây là điểm mới của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng so với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X.

trọng của tư tưởng về đại đoàn kết. Trước hết, điều này thể hiện ở vị trí, vai trò của quy luật về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập - động lực của sự vận động và phát triển:

+ Thống nhất có mặt tích cực là tạo ra sự cân bằng hoặc sự vận động tịnh tiến và tạo điều kiện cho sự phát triển của các yếu tố trong nó.

+ Đấu tranh có nhược điểm là phá vỡ thế cân bằng, gây xáo động, phá đổ kết cấu cũ; nhưng có ưu điểm tạo thế phát triển mới, đột phá, nhảy vọt.

Trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin đưa ra tư tưởng về liên minh công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức. Liên minh này chính là nòng cốt của đoàn kết các lực lượng xã hội vì mục tiêu mà cách mạng cần đạt được, trong đó giai cấp công nhân giữ địa vị lãnh đạo, thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - người xây dựng xã hội mới.

Để thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế, giai cấp công nhân thế giới đã đưa ra các khẩu hiệu khác nhau về đoàn kết như: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại"; "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại"...

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc**

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, trong thời đại mới, để đánh thắng các thế lực đế quốc, thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ. Cách mạng muốn thành công phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp,

xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Chính vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán, lâu dài và xuyên suốt trong tiến trình cách mạng.

Để quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần phải có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp, nhưng đại đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được quán triệt, xác định rõ đây là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết, đó là: *Đoàn kết làm ra sức mạnh*.

Hồ Chí Minh rất nhiều lần nhắc đến và nhấn mạnh luận điểm này. Người viết: "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó"<sup>1</sup>; "Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi"<sup>2</sup>; "Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi"<sup>3</sup>; "đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"<sup>4</sup>; đoàn kết là điểm mọ, điểm này mà thực hiện tốt thì đở ra

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.392, 397.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, tr.22, 154.

con cháu đều tốt: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công!*"<sup>1</sup>.

Đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi nên đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là *nhiệm vụ hàng đầu* của Đảng; phải được quán triệt trong mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn.

Trong *Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam*, ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"<sup>2</sup>.

Đại đoàn kết dân tộc là *nhiệm vụ thường xuyên* của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng. Đảng phải cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc.

Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.607.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr.183.

giản thể thôi. Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: *Một là* đoàn kết. *Hai là* xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Ba là* đấu tranh thống nhất nước nhà"<sup>1</sup>.

Đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là *nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc*. Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề *dân* và *nhân dân* một cách toàn diện. Các khái niệm này có biên độ rất rộng lớn. Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm này để chỉ "*mọi con dân nước Việt*", "*mỗi một người con Rồng cháu Tiên*", không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, "*già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện*". Dân và nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với tư cách là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, với những mối quan hệ cả quá khứ và hiện tại. Nhân dân là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết dân tộc thực chất là đại đoàn kết toàn dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, tr.130.

Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết rộng rãi và lâu dài; là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói: "Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"<sup>1</sup>. Từ "ta" ở đây là chủ thể, vừa là Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.

Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp - dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không là việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng.

Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải *kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc*. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam, được lưu truyền qua các thế hệ, từ thời các Vua Hùng dựng nước, tới Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.438.

chiến thắng thiên tai, địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Để thực hành đoàn kết rộng rãi, cần có *niềm tin vào nhân dân*, với đại đa số là công nhân, nông dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân là nguyên tắc tối cao. Trong bài *Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc*, tháng 1-1955, Người chỉ rõ: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác"<sup>1</sup>.

Phải có lòng *khoan dung, độ lượng với con người*. Hồ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu. Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung, độ lượng, trân trọng "phần thiện", dù nhỏ nhất ở mỗi con người để lôi kéo, tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người cho rằng, năm ngón tay có ngón ngắn, ngón dài, nhưng cả năm ngón đều thuộc về một bàn tay; "Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.438.

nhieu lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang"<sup>1</sup>.

Về sự độ lượng, Người viết: "Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn"<sup>2</sup>.

Lòng khoan dung, độ lượng ở Hồ Chí Minh là một tư tưởng nhất quán, được thể hiện cả trong đường lối, chính sách của Đảng đối với những người làm việc dưới chế độ cũ và những người nhất thời lầm lạc biết hối cải. Người tuyên bố: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ"<sup>3</sup>.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh vô địch trong đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập, xây dựng Tổ quốc khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn, tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc. Nếu không làm được như vậy, thì quần chúng nhân dân dù có đông tới hàng triệu, hàng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.246-247.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.644.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.438.

trăm triệu con người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh. Thất bại của các phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước khi Đảng ta ra đời đã chứng minh rất rõ điều này.

Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ rõ, đại đoàn kết dân tộc biến thành sức mạnh vật chất, trở thành lực lượng vật chất có tổ chức trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Về một phương diện nào đó, có thể khẳng định rằng, quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là quá trình tìm kiếm mô hình và cách thức tổ chức quần chúng nhân dân, nhằm tạo sức mạnh cho quần chúng trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và giải phóng xã hội. Chính vì vậy, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, giới, ngành nghề, lứa tuổi, dân tộc, tôn giáo, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng.

Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, nơi tập hợp mọi con dân nước Việt, cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Tùy theo từng thời kỳ, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của Mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của Mặt trận dân tộc thống nhất có sự khác nhau nhưng Mặt trận dân tộc thống nhất luôn luôn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, quy tụ, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân

yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một số nguyên tắc về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất như sau:

*Một là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất là thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, quy tụ mọi con dân nước Việt. Đó không phải là một tập hợp lỏng lẻo, ngẫu nhiên, tự phát của quần chúng nhân dân, mà là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đây là *nguyên tắc cốt lõi* trong chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, nó hoàn toàn khác với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam trong lịch sử. Trên nền tảng đó, đại đoàn kết không chỉ là tình cảm "người chung một nước phải thương nhau cùng", mà còn được xây dựng trên một cơ sở lý luận vững chắc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công - nông - trí thức luôn được Người xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, sức mạnh của khối liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường; ngược lại, liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường, Mặt trận dân tộc thống nhất càng vững chắc, càng có sức mạnh mà không một kẻ thù nào có thể phá vỡ nổi.

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, song nó chỉ có thể được củng cố và phát triển vững chắc khi được Đảng lãnh đạo.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận vừa là vấn đề mang tính *nguyên tắc*, vừa là một yêu cầu *tất yếu khách quan*, bảo đảm cho Mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn. Mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận là mối quan hệ máu thịt. Không có Mặt trận, Đảng không có lực lượng, không thể thực hiện được những nhiệm vụ cách mạng. Không có sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận không thể hình thành, phát triển và không có phương hướng hoạt động đúng đắn. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận.

Trong thực hiện, Hồ Chí Minh căn dặn: trong khi nhấn mạnh vai trò nòng cốt của liên minh công - nông, cần chống lại khuynh hướng chỉ coi trọng củng cố khối liên minh công - nông mà không thấy được vai trò và sự cần thiết phải mở rộng đoàn kết với các tầng lớp khác, nhất là với trí thức. Làm cách mạng phải có trí thức và trí thức rất quan trọng đối với cách mạng. Người nói, "trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và *công, nông, trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối*"<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.214.

Hồ Chí Minh cho rằng, sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận vừa là *tất yếu*, vừa *phải có điều kiện*. Tính tất yếu thể hiện ở chỗ chỉ có đảng cách mạng chân chính mới đủ năng lực nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra các quy luật khách quan của sự vận động lịch sử, vạch ra đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp, lãnh đạo Mặt trận thực hiện thành công các nhiệm vụ cách mạng. Mặt khác, Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất, "Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"<sup>1</sup>.

Để lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải có chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Người viết: "Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng"<sup>2</sup>. Trong quá trình lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép các thành viên trong Mặt trận; phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự giác,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.139.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.605.

tự nguyện, tuyệt đối không được lấy quyền uy của mình để buộc các thành viên khác trong Mặt trận phải tuân theo.

*Hai là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.*

Ngay từ năm 1925, khi nói về chiến lược đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, chỉ có thể thực hiện đoàn kết khi có chung một mục đích, một số phận. Nếu không suy nghĩ như nhau, nếu không có chung một mục đích, chung một số phận thì dù có kêu gọi đoàn kết thế nào đi nữa, đoàn kết vẫn không thể có được. Mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất, của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng là *độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào*. Đó là nguyên tắc, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào trong Mặt trận.

Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc, những *quyền lợi cơ bản* của các tầng lớp nhân dân được cụ thể hóa trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với mọi tầng lớp, từng đối tượng trong mỗi thời kỳ lịch sử.

*Ba là, Mặt trận dân tộc thống nhất hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.*

Hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất phải theo nguyên tắc *hiệp thương dân chủ*. Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt

hoặc dân chủ hình thức. Đảng là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, nhưng cũng là một thành viên của Mặt trận. Do vậy, Đảng phải có trách nhiệm trình bày tất cả mọi chủ trương, chính sách của mình trước tổ chức Mặt trận, cùng với các thành viên khác của Mặt trận bàn bạc, hiệp thương dân chủ để tìm kiếm các giải pháp tích cực, thống nhất hành động, hướng phong trào quần chúng thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

Để thực hiện nguyên tắc hiệp thương dân chủ phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt... Phải làm cho tất cả các thành viên trong Mặt trận thấm nhuần lợi ích chung, lợi ích tối cao của dân tộc, đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng.

Mục tiêu giải quyết mối quan hệ lợi ích trong Mặt trận dân tộc thống nhất là tạo sự đồng thuận, nhất trí cao, là "Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh"<sup>1</sup>. Đó là cơ sở để mở rộng khối đại đoàn kết, lôi kéo thêm các lực lượng khác tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất.

*Bốn là, Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.*

Là một tập hợp nhiều giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.206.

giáo, đảng phái nên bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên của Mặt trận vẫn có những điểm khác nhau. Điều đó đặt yêu cầu cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để thu hẹp những nhân tố khác biệt, cục bộ, nhân lên những nhân tố tích cực, nhân tố chung, đi đến thống nhất, đoàn kết.

Để giải quyết vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm "cầu đồng tồn dị" - lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt. Mặt khác, Người nêu rõ: "Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết". Người viết: "Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân"<sup>1</sup>.

### **3. Quan điểm của Đảng hiện nay về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định phát huy sức mạnh toàn dân tộc là nguồn lực chủ yếu để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội VI của Đảng xác định: "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.137.

làm chủ của nhân dân lao động"<sup>1</sup>. Đại hội VIII khẳng định: "Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay"<sup>2</sup>. Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"<sup>3</sup>. Đại hội X đã nhấn mạnh nhiệm vụ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một trong bốn thành tố của chủ đề của Đại hội; coi đó là nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Tiếp tục đường lối được xác định trong các đại hội trước, trong Văn kiện Đại hội XI viết: "Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.29.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.73.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.23.

giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình"<sup>1</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã khẳng định: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân..."<sup>2</sup>.

Quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng ta được thể hiện qua các nội dung sau:

*Một là*, đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.240, 86.

*Hai là*, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

*Ba là*, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự đặt đúng vị trí của yếu tố lợi ích, theo quan điểm được xác định từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI là: "Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân".

*Bốn là*, thực hiện dân chủ và phát huy chủ nghĩa yêu nước là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước luôn luôn là động lực lớn nhất của dân tộc ta trong quá trình lịch sử. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

Tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội X và Đại hội XI của Đảng, các chính sách của Nhà nước hiện hành đã xác định nội dung, giải pháp phát huy sức mạnh toàn dân tộc hiện nay là:

- Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp.

- Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc.

- Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị bao gồm Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, trong đó vai trò hạt nhân lãnh đạo là tổ chức đảng. Để Đảng ta thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Xây dựng những cơ chế cụ thể để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng; Đảng phải chăm lo lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nhà nước có vai trò to lớn trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc bằng việc thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật một cách có hiệu quả, thông qua bộ máy công quyền trong sạch, công tâm, hết lòng phục vụ nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đóng vai trò đại diện cho lợi ích chung và lợi ích từng giai cấp, từng giới quần chúng, đồng thời là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải thông qua Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và bằng các hình thức đa dạng khác.

- Đại đoàn kết phải được thực hiện từ cơ sở, trong từng cộng đồng dân cư ở cơ sở, như thôn, làng, bản, ấp, tổ dân

phố, cơ quan, đơn vị... thực hiện tốt các cuộc vận động trong từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động chung: "Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".